

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 24-4-2026

V/v Tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Hoà

Bà Dương Thị Huynh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Lan Hương, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn tham gia phiên toà: Bà Dương Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2026, tại Phòng xét xử số 02 Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 33/2026/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2026 về việc Tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị L, sinh năm 1971, nơi đăng ký thường trú: Thôn M, xã V, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở hiện nay: Hộ ông Nguyễn Văn M, thôn S, xã Y, tỉnh Bắc Ninh. Căn cước công dân số: 020171000590, ngày cấp 25/4/2021, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an. Vắng mặt, có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Vũ Văn L1, sinh năm 1970, nơi cư trú: Thôn M, xã V, tỉnh Lạng Sơn. Căn cước công dân số: 020070000507, ngày cấp: 25/4/2021; nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an. Vắng mặt, có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 03/3/2026 và bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Phạm Thị L trình bày:

Bà Phạm Thị L và ông Vũ Văn L1 kết hôn vào năm 1993, trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, việc kết hôn hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc, có đăng ký kết hôn ngày 05/10/2002 tại UBND xã V, huyện B,

tỉnh Lạng Sơn (nay là UBND xã V, tỉnh Lạng Sơn). Sau khi kết hôn bà Phạm Thị L và ông Vũ Văn L1 chung sống tại thôn M, xã V, tỉnh Lạng Sơn, sinh được 02 người con là Vũ Thị H, sinh năm 1993 và Vũ Thị P, sinh năm 1998. Quá trình chung sống được vài năm thì ông Vũ Văn L1 hay kiếm có gây sự chửi bới, đánh đập vợ. Bà Phạm Thị L đã phải nhờ Tổ hoà giải thôn M hoà giải mâu thuẫn vợ chồng để tiếp tục chung sống. Từ năm 2010 bà Phạm Thị L đi làm công nhân, ông Vũ Văn L1 có đi làm cùng nhưng không làm được việc nên lại bỏ về nhà tụ tập rượu chè, không chịu lao động. Đầu năm 2025 ông Vũ Văn L1 có đi cai rượu được 5 tháng nhưng khi về nhà lại uống rượu say và đánh nhau với hàng xóm, gây sự chửi bới bà Phạm Thị L. Bà Phạm Thị L và gia đình, con cái đã nhiều lần khuyên bảo để hàn gắn quan hệ vợ chồng nhưng ông Vũ Văn L1 vẫn thường xuyên tụ tập rượu chè, mỗi khi say rượu lại chửi bới, hành hạ tinh thần vợ nên bà Phạm Thị L phải trốn sang nhà ngoại ngụ nhờ. Từ đầu năm 2026 đến nay bà Phạm Thị L đi làm không dám về nhà lần nào, vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau. Hiện nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà Phạm Thị L đề nghị Toà án giải quyết cho ly hôn với ông Vũ Văn L1. Về con chung: Có 02 con chung tên là Vũ Thị H, sinh ngày 23/11/1993 và Vũ Thị P, sinh ngày 09/9/1998, các con đều đã thành niên, lập gia đình riêng nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Về tài sản chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết. Về nợ chung: Không có.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 01/4/2026, bị đơn ông Vũ Văn L1 trình bày: Ông Vũ Văn L1 kết hôn với bà Phạm Thị L vào năm 1993, trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, thi thoảng ông Vũ Văn L1 có uống rượu say, đánh bà Phạm Thị L một hai lần, Tổ hoà giải thôn có đến hoà giải, khuyên bảo vợ chồng nên bà Phạm Thị L cũng bỏ qua. Từ năm 2020 bà Phạm Thị L đi làm công nhân ít khi về nhà. Đầu năm 2026 thì bà Phạm Thị L về nhà ăn tết nhưng không ngủ ở nhà mà ngủ nhờ nhà chị gái, từ ngày mừng 05 tết thì bà Phạm Thị L dọn quần áo bỏ đi làm, không về nhà lần nào nữa, vợ chồng không còn liên lạc với nhau. Ông Vũ Văn L1 không nhất trí ly hôn vì còn tình cảm với bà Phạm Thị L. Về con chung: Có 02 con chung tên là Vũ Thị H, sinh ngày 23/11/1993 và Vũ Thị P, sinh ngày 09/9/1998, các con đều đã trưởng thành, có gia đình riêng nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Về tài sản chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết. Về vay nợ chung: Không có

Toà án nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của đương sự. Tại Công văn số 352/CV-UBND ngày 25/3/2026, UBND xã V, tỉnh Lạng Sơn cho biết: Bà Phạm Thị L có đăng ký kết hôn với ông Vũ Văn L1 ngày 05/10/2002 theo giấy chứng nhận kết hôn số 101, quyển số 01 tại UBND xã V, tỉnh Lạng Sơn, vợ chồng có 02 chung tên là Vũ Thị H, sinh ngày 23/11/1993 và Vũ Thị P, sinh ngày 09/9/1998, đều đã đi lấy chồng. Tại biên bản xác minh ngày 01/4/2026, ông Phạm Bá T là Phó thôn M, xã V, tỉnh Lạng Sơn cho biết: Bà Phạm Thị L và ông Vũ Văn L1 kết hôn với nhau và chung sống tại thôn M, xã V, tỉnh Lạng Sơn; có 02 người con chung là Vũ Thị H sinh năm 1993 và Vũ Thị P sinh năm 1998; quá trình chung sống được vài năm thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do ông Vũ Văn L1 thường xuyên say rượu, gây sự, chửi bới, đánh

đập bà Phạm Thị L, thôn đã nhiều lần hoà giải nhưng ông Vũ Văn L1 vẫn không thay đổi, từ tết năm 2026 thì bà Phạm Thị L ở lại Công ty không dám về nhà.

Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 07/4/2026, tuy nhiên bà Phạm Thị L, ông Vũ Văn L1 đều vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, bà Phạm Thị L có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên Tòa án chỉ tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử, Thẩm phán đã tiến hành tố tụng đúng trình tự thủ tục, hướng dẫn đương sự viết tự khai, lấy lời khai đương sự, tiến hành xác minh thu thập chứng cứ, tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định. Quá trình tiến hành tố tụng tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật và đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị L, xử cho bà Phạm Thị L được ly hôn ông Vũ Văn L1. Về con chung: Có 02 con chung tên là Vũ Thị H, sinh ngày 23/11/1993 và Vũ Thị P, sinh ngày 09/9/1998, các con đều đã trưởng thành, có gia đình riêng nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết do không ai yêu cầu. Về vay nợ chung: Không có. Về án phí: Buộc bà Phạm Thị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án Tranh chấp ly hôn, bị đơn cư trú tại thôn M, xã V, tỉnh Lạng Sơn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Lạng Sơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt cả nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân, xét thấy bà Phạm Thị L và ông Vũ Văn L1 tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 05/10/2002 tại UBND xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn (*nay là UBND xã V, tỉnh Lạng Sơn*) nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Nguyên đơn trình bày vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn nhiều năm do ông Vũ Văn L1 thường xuyên rượu chè, không chịu lao động, khi say rượu lại chửi bới, dọa nạt, đánh đập vợ, cãi nhau với hàng xóm; nhiều lần bạo hành tinh thần vợ nên bà Phạm Thị L phải trốn sang nhà ngoại ngụ nhờ. Từ đầu năm 2026 đến nay do sợ chồng dọa nạt, bạo hành nên bà Phạm Thị L đã ở lại Công ty, không về nhà lần nào, vợ chồng không còn quan tâm, liên lạc với nhau. Xác định không còn tình cảm vợ chồng nên bà Phạm Thị L kiên quyết yêu cầu ly hôn với ông Vũ Văn L1. Ông Vũ Văn L1 không nhất trí ly hôn nhưng thống nhất trình bày vợ

chồng có phát sinh mâu thuẫn và đã phải nhờ đến Tổ hoà giải thôn M hoà giải, nguyên nhân do ông Vũ Văn L1 thi thoảng say rượu, đánh đập vợ. Toà án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải để cho các đương sự có cơ hội hoà giải với nhau, hàn gắn quan hệ vợ chồng nhưng bà Phạm Thị L và ông Vũ Văn L1 đều vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên Toà án không thể tiến hành hoà giải. Tại phiên toà hôm nay, bà Phạm Thị L và ông Vũ Văn L1 đã được Toà án triệu tập họp lệ nhưng vẫn vắng mặt và có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt, thể hiện không có nguyện vọng đoàn tụ. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn giữa bà Phạm Thị L và ông Vũ Văn L1 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị L.

[3] Về con chung: Bà Phạm Thị L và ông Vũ Văn L1 có 02 con chung tên là Vũ Thị H, sinh ngày 23/11/1993 và Vũ Thị P, sinh ngày 09/9/1998. Hiện nay các con chung đều đã thành niên, có gia đình riêng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về con chung.

[4] Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết do đương sự không yêu cầu

[5] Về vay nợ chung: Không xem xét giải quyết do đương sự trình bày không có.

[6] Về ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Lạng Sơn tại phiên toà phù hợp với các nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Bà Phạm Thị L là nguyên đơn có yêu cầu ly hôn, không thuộc trường hợp được miễn án phí nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; các Điều 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho bà Phạm Thị L được ly hôn ông Vũ Văn L1.

2. Về con chung: Bà Phạm Thị L và ông Vũ Văn L1 có 02 con chung tên là Vũ Thị H, sinh ngày 23/11/1993 và Vũ Thị P, sinh ngày 09/9/1998. Hiện nay các con chung đều đã thành niên, có gia đình riêng nên không xem xét giải quyết về con chung.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết do không ai yêu cầu

4. Về vay nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Bà Phạm Thị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước. Xác nhận bà Phạm Thị L đã nộp đủ 300.000 đồng tiền án phí nêu trên theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000440 ngày 10/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND khu vực 3 - Lạng Sơn;
- Phòng THADS khu vực 3 - Lạng Sơn;
- UBND xã V, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: HS + Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Thu Hường